

## **PHỤ LỤC XII**

(Ban hành kèm theo quyết định số: 25 /2007/QĐ-UBND  
ngày 21 /12/2007 của UBND tỉnh)

### **XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT GIÁP RANH**

#### **1. Phạm vi đất giáp ranh:**

- Giáp ranh giữa 2 đoạn đường của cùng 1 con đường (đất đô thị).
- Giáp ranh giữa các đoạn trên 1 con hẻm (TXVL).
- Giáp ranh trên 1 tuyến đường (quốc lộ, tỉnh lộ, hương lộ).
- Giáp ranh giữa thị xã và huyện.
- Giáp ranh giữa thị trấn và xã.

#### **2. Xác định giá đất giáp ranh:**

- Đối với đất ở (thổ cư) khu vực đô thị (đường phố, hẻm) chỗ đất giáp ranh được xác định như sau: thửa đất giáp ranh của đoạn có mức giá cao hơn giảm đi 10% và thửa đất giáp ranh của đoạn có mức giá thấp hơn tăng 10% so đơn giá quy định.

- Đất ở (thổ cư) nông thôn (ngoài phạm vi thị xã, thị trấn) nằm trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, hương lộ: Chỗ giáp ranh với đoạn có giá đất cao hơn được kéo dài thêm 50m (mặt tiền lộ) để tính bằng giá đất của đoạn có giá đất cao hơn. Nếu là đất phi nông nghiệp thì kéo dài thêm 100m.

- Đất giáp ranh giữa thị xã và huyện, giữa thị trấn và xã:

. Nếu là đất ở (thổ cư) thì thửa đất liền kề (giáp ranh) được tính bằng giá đất ở của thửa đất có giá cao hơn.

. Nếu là đất nông nghiệp và phi nông nghiệp thì tính bằng giá của thửa đất giáp ranh có mức giá cao hơn và có cùng mục đích sử dụng nhưng chiều sâu tính vào không quá 100m (chỗ giáp ranh coi như mặt tiền).